

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG

Số: 418 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Song, ngày 19 tháng 4 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông học kỳ II năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 27/TTr-PGDĐT ngày 18/4/2023,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho 377 học sinh đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo và trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững học kỳ II năm học 2022-2023, với số tiền: **271.500.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo: 332 đối tượng, với số tiền: 249.000.000 đồng;

- Chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững: 45 đối tượng, với số tiền: 22.500.000 đồng.

(cụ thể có danh sách chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước Đắk Song, Hiệu trưởng các trường có liên

quan thực hiện giải quyết các chế độ chính sách đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định.

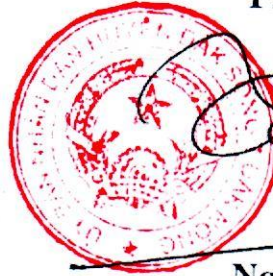
**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Song, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- CT, Các CT UBND huyện;
- Lưu VT.

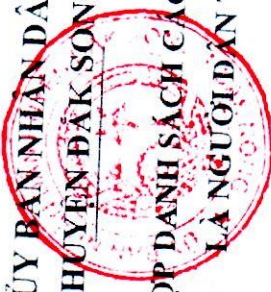
**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*han*

**Nguyễn Ngọc Thân**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SÔNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH CHO TRẺ EM MÀU GIÁO VÀ HỌC SINH PHÓ THÔNG  
LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ CẶN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2022/NQ-HĐND

Học kỳ II, năm học 2022-2023 (Tháng 01 đến tháng 5 năm 2023)

(Kèm theo Quyết định số 418 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)

TT	Năm học	Tổng số học sinh được thụ hưởng	Định mức hỗ trợ/tháng/học sinh (đồng)	Số tháng được hưởng	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
<b>BẠC MÀM NON</b>						
1	Trường MN Hòa Mỹ	62	150,000	5	46,500,000	
2	Trường MN Tạ Thị Kiều	34	150,000	5	25,500,000	
3	Trường MN Hương Dương	3	150,000	5	2,250,000	
4	Trường MN Sơn Ca	7	150,000	5	5,250,000	
5	Trường MN Hoa Hồng	2	150,000	5	1,500,000	
6	Trường MN Hoa Ban	6	150,000	5	4,500,000	
7	Nhóm trẻ, lớp MG độc lập Sơn Ca	9	150,000	5	6,750,000	
		1	150,000	5	750,000	
		<b>186</b>			<b>139,500,000</b>	
<b>BẠC TIỂU HỌC</b>						
1	Trường TH&THCS Bé Văn Đàn (bạc TH)	24	150,000	5	18,000,000	
2	Trường TH Trần Quốc Toàn	8	150,000	5	6,000,000	
3	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	0	150,000	5	0	
4	Trường TH Kim Đồng	4	150,000	5	3,000,000	
5	Trường TH Ngô Gia Tự	105	150,000	5	78,750,000	
6	Trường TH Chu Văn An	1	150,000	5	750,000	
7	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	5	150,000	5	3,750,000	
8	Trường TH Lê Văn Tám	13	150,000	5	9,750,000	

9	Trưởng TH Lê Đình Chính		7	150,000	5	5,250,000
10	Trưởng TH Võ Thị Sáu		5	150,000	5	3,750,000
11	Trưởng TH Lương Thế Vinh		2	150,000	5	1,500,000
12	Trưởng TH Trung vương		7	150,000	5	5,250,000
13	Trưởng TH Tô Hiệu		1	150,000	5	750,000
14	Trưởng TH Nguyễn Bình Khiêm		3	150,000	5	2,250,000
15	Trưởng TH Trần Hưng Đạo		1	150,000	5	750,000
	<b>BẠC THCS</b>		<b>84</b>			<b>63,000,000</b>
1	Trưởng THCS Nguyễn Tất Thành		2	150,000	5	1,500,000
2	Trưởng THCS Nguyễn Văn Trỗi		12	150,000	5	9,000,000
3	Trưởng THCS Trần Phú		3	150,000	5	2,250,000
4	Trưởng THCS Lê Quý Đôn		3	150,000	5	2,250,000
5	Trưởng THCS Nguyễn Trãi		42	150,000	5	31,500,000
6	Trưởng THCS Nguyễn Du		2	150,000	5	1,500,000
7	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt		7	150,000	5	5,250,000
8	Trưởng TH & THCS Bé Văn Đàn (bạc THCS)		13	150,000	5	9,750,000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>332</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>249,000,000</b>

*Tổng số tiền (bằng chữ): Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng.*

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH CHO TRẺ EM MẪU GIÁO VÀ HỌC SINH PHỔ THÔNG LÀ THÀNH VIÊN TRONG HỘ THOÁT NGHÈO VƯỢT QUA CHUÁN CẬN NGHÈO CÓ ĐƠN TỰ NGUYỄN ĐĂNG KÝ CAM KẾT THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2022/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH ĐẮK NÔNG**

Học kỳ II, năm học 2022-2023 (Tháng 01 đến tháng 5 năm 2023)

(Kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)

Stt	Đơn vị	Tổng số lượng học sinh con hộ mới thoát nghèo	Hỗ trợ học sinh phổ thông các cấp			Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Mức hỗ trợ (100.000/đồng/tháng/học sinh *9 tháng)	Thành tiền (đồng)		
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6
	<b>BẠC MẮM NON</b>	12	12		<b>6,000,000</b>	<b>6,000,000</b>	
1	Trường MN Hòa Mỹ	8	8	500,000	4,000,000	4,000,000	
2	Trường MN Hoa Sen	1	1	500,000	500,000	500,000	
3	Trường MN Hoa Ban	3	3	500,000	1,500,000	1,500,000	
	<b>BẠC TIÊU HỌC</b>	26	26		<b>13,000,000</b>	<b>13,000,000</b>	
1	Trường TH&THCS Bé Văn Đàn (bậc TH)	4	4	500,000	2,000,000	2,000,000	
2	Trường TH Ngô Gia Tự	13	13	500,000	6,500,000	6,500,000	
3	Trường TH Chu Văn An	1	1	500,000	500,000	500,000	
4	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	3	3	500,000	1,500,000	1,500,000	
5	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	5	5	500,000	2,500,000	2,500,000	
	<b>BẠC THCS</b>	7	7		<b>3,500,000</b>	<b>3,500,000</b>	
1	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	1	1	500,000	500,000	500,000	
2	Trường THCS Trần Phú	1	1	500,000	500,000	500,000	
3	Trường THCS Lê Quý Đôn	1	1	500,000	500,000	500,000	
4	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	1	500,000	500,000	500,000	
5	Trường TH &THCS Bé Văn Đàn (bậc THCS)	3	3	500,000	1,500,000	1,500,000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>22,500,000</b>	<b>22,500,000</b>	

Tổng số tiền (bằng chữ): Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục 4: Tổng dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định các chính sách thực hiện mục tiêu giảm bền vững tình Đăk Nông giai đoạn 2022-2025**

(Kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Sông)

TT	Tên chính sách	Tổng số lượng đối tượng (hộ, lượt người) dự kiến được thụ hưởng	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)	Ghi chú
1	Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	332	249,000,000	100% ngân sách tỉnh
2	Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho con hộ thoát nghèo	45	22,500,000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>377</b>	<b>271,500,000</b>	

**Tổng số tiền (bảng chữ): Hai trăm bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng**